

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HS-ST

Ngày: 27 - 10 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Tiến Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Hương

-Thư ký phiên toà : Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

-Đại diện VKSND huyện H, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Bà: Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 27/10/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/HSST ngày 12 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn T – sinh năm: 1992; tại xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá. Nơi ĐKNKTT: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Lê Văn Đ, sinh năm 1953 (đã chết), con bà: Trần Thị T, sinh năm 1955, có vợ là Trương Thị Đ và 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; tiền sự: Không

Tiền án: Ngày 05/8/2019 bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 12 tháng tù về tội :Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt ngày 09/5/2020.

Nhân thân: Ngày 23/12/2014, bị Tòa án nhân dân huyện H, xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Đã chấp hành xong bản án ngày 23/01/2016.

- Ngày 04/8/2016, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa, xử phạt 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đã chấp hành xong bản án ngày 18/5/2017. Hiện Lê Văn T là đối tượng nghiện chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

-Bị hại: Ông Nguyễn Hoàng S – sinh năm 1969 (vắng)

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

-Người làm chứng:

1.Chị Hoàng Thị Q – sinh năm 1977 (vắng)

2. Anh Hoàng Văn S – sinh năm 1984 (vắng)

3. Anh Tăng Văn S – sinh năm 1995 (vắng)

Trú tại: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 30 tháng 7 năm 2020, Lê Văn T đang ở nhà mình tại thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa thì Tăng Văn S, sinh năm 1995 ở thôn H, xã H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36F1-22.456 đến rủ T góp tiền mua ma túy cùng sử dụng. Lúc này S có 70.000 đồng, T không có tiền nên rủ S chở mình đem điện thoại đến cửa hàng điện thoại B ở thôn T, xã N để cầm cố điện thoại lấy tiền mua ma túy, S đồng ý. Tại đây, T cầm cố chiếc điện thoại di động của mình được 50.000 đồng. Thấy số tiền của mình và S không đủ để mua ma túy, nên T nói với S chở mình đến nhà ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1969, ở thôn N, xã Đ, huyện H để xin tiền. Khoảng 10 giờ cùng ngày, T và S đến nhà ông Nguyễn Hoàng S, thấy cửa ngõ nhà ông S đang mở nên T đi bộ vào phía trong nhà, còn S đứng ở ngoài cổng đợi. Khi vào trong sân nhà ông S, T gọi “ Chú S ơi” hai lần nhưng không có ai trả lời. Lúc này T phát hiện thấy một chiếc máy mài cầm tay, nhãn hiệu SENCAN, màu đỏ-đen đang để ở dưới mặt sàn tại xưởng mộc của nhà ông S, nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc máy mài trên bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Thực hiện ý định, T lấy chiếc máy mài cầm tay, nhãn hiệu SENCAN của ông Nguyễn Hoàng S, giấu vào trong người rồi đi ra ngoài ngõ nơi S đang đợi. Nhìn thấy T mang theo chiếc máy mài từ trong nhà ông Nguyễn Hoàng S đi ra, nên S biết T trộm chiếc máy mài trên và hỏi T “ Nhà không có Camera à anh”. T trả lời “ Anh không để ý, đi thôi nào”. Sau đó, S chở T mang chiếc máy mài vừa trộm cắp được về nhà T cất giấu. Đến 14 giờ chiều cùng ngày, biết hành vi của mình không thể trốn tránh pháp luật nên Lê Văn T và Tăng Văn S đã đến Công an huyện H đầu thú và tự nguyện giao nộp 01 chiếc máy mài; 01 xe mô tô BKS: 36-22456 và khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình,

Ông Nguyễn Hoàng S báo cáo chiếc máy mài cầm tay, nhãn hiệu SENCAN, màu đỏ-đen mua tháng 5/2019, có giá 600.000 đồng.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐGHS ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, kết luận: 01 chiếc máy mài cầm tay nhãn hiệu SENCAN, màu đỏ - đen, có giá 480.000 đồng (*Bốn trăm tám mươi nghìn đồng*).

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36F1-22.456, là xe của bà Hoàng Thị Q (mẹ ruột của Tăng Văn S), mượn của anh Hoàng Văn S để làm phương tiện đi lại. Ngày 30 tháng 7 năm 2020, S mượn xe của bà Q nói là để đi đến nhà bạn chơi, bà Q không biết S đã sử dụng làm phương tiện chở Lê Văn T đi trộm cắp tài sản. Vì vậy ngày 22/9/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại xe mô tô biển kiểm soát 36F1-22.456 cho bà Q.

Quá trình điều tra xác định: Ngày 05/9/2019 Lê Văn T bị Tòa án nhân dân huyện H, xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt ngày 09/5/2020, nhưng chưa được xóa án tích.

Tại bản Cáo trạng số: 70/CT – VKS HL ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, truy tố bị cáo Lê Văn T, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T, phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Về căn cứ áp dụng hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1, Điều 173; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị tuyên phạt: Bị cáo Lê Văn T, mức án từ 06 đến 09 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ 30/7/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu xem xét bồi thường nên miễn xét.

Về xử lý vật chứng: Ngày 22 tháng 9 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trả lại chiếc máy mài cầm tay nhãn hiệu SENCAN, màu đỏ - đen trên cho ông Nguyễn Hoàng S là chủ sở hữu, ông S đã nhận lại nên không xem xét xử lý.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người bị hại vắng mặt nên không có quan điểm, ý kiến đề nghị về hình phạt cũng về bồi thường thiệt hại.

Bị cáo Lê Văn T không có ý kiến đề nghị tranh luận về tội danh, về mức hình phạt, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng lượng khoan hồng và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng.

[2]. Về căn cứ xác định hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn T khai nhận, mục đích ban đầu đến nhà ông Nguyễn Hoàng S chủ xưởng mộc để hỏi vay tiền nhằm mua ma túy sử dụng, T đi vào trong nhà thì ông S không có nhà nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là chiếc máy mài cầm tay nhãn hiệu Sencan, lúc này Tăng Văn S đi cùng nhưng đứng ngoài cổng đợi. Sau khi lấy được tài sản, S chở T

bằng xe máy của bà Q đem về cất giấu. Đến chiều cùng ngày thì bị cáo ra trình diện đầu thú. Lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp vật chứng được thu giữ, kết quả định giá tài sản trong tố tụng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án được thu thập theo trình tự luật định. Do đó, đủ căn cứ để khẳng định, khoảng 10 giờ ngày 30/7/2020, Lê Văn T đã trực tiếp thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản hợp pháp của người khác, tài sản chiếm đoạt là chiếc máy mài cầm tay hiệu SENCAN trị giá 480.000đ, nhưng bị cáo đang có tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Như vậy, bị cáo Lê Văn T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi đó còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy cần phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và nhân thân đối với bị cáo thấy:

Ngày 09/9/2014 bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trị giá 15.400.000đ; Ngày 12/9/2014 bị cáo bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và bị tạm giam. Ngày 23/12/2014, bị Tòa án nhân dân huyện H, xử phạt bị cáo Lê Văn T 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Đã chấp hành xong bản án ngày 23/01/2016. Ngày 04/8/2016, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa, xử phạt 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đã chấp hành xong bản án ngày 18/5/2017. Ngày 22/4/2019, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trị giá 3.110.000đ và kết án theo bản án số 47/2019/HSST, mức án là 12 tháng tù. Ngày 30/7/2020, bị cáo tiếp tục phạm tội, giá trị tài sản chiếm đoạt 480.000đ, theo quy định tại khoản 2 Điều 70 của BLHS thì bị cáo phạm tội trong trường hợp chưa được xóa án tích. Do đó lần phạm tội này của bị cáo là dấu hiệu định tội (tài sản trộm cắp 480.000đ) nên không coi tái phạm, tái phạm nguy hiểm tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS.

[4.1]. Về tình tiết giảm nhẹ TNHS; Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” sau khi phạm tội đến trình diện đầu thú. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định điểm s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để lượng hình khi quyết định hình phạt. Ngoài ra không còn căn cứ xem xét tình tiết giảm nhẹ nào khác.

[4.2]. Về nhân thân, bị cáo thuộc loại nhân thân xấu vì đã nhiều lần bị kết án.

[5]. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo thấy, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới bảo đảm tính răn đe, tạo điều kiện cho bị cáo có thời gian lao động, học tập trở thành công dân tốt cho xã hội.

[6]. Về bồi thường thiệt hại: Tài sản bị chiếm đoạt đã trả lại cho người bị hại, những thiệt hại khác người bị hại cũng không có yêu cầu nên không xem xét;

[7]. Xử lý vật chứng: Vật chứng là tài sản đã được xử lý trả lại cho người bị hại nên không xem xét xử lý thêm.

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 173; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/7/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét,

Về xử lý vật chứng: Không xem xét,

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của BLTTHS; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016 /UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng HSST.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, Thanh Hóa.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS huyện H;
- Bị hại;
- VKS tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện H;
- Thi hành án DS huyện H;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghi